

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ M'GAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-ST

Ngày: 17 – 02 – 2022

*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Việt Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Mạnh, bà Cao Thị Hồng Châu

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Ngọc Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 320/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

***\* Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Số 2xx - 2xx đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

***Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Mạnh C (Có mặt)

Địa chỉ: Số 2xx - 2xx đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

***\* Bị đơn:*** Ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B (Đều vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Vũ Văn Đ (Vắng mặt)

2. Anh Vũ Văn H1 (Vắng mặt)

3. Anh Vũ Văn H2 (Vắng mặt)

4. Anh Vũ Văn T (Vắng mặt)

5. Bà Nguyễn Thị T (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

6. Ông Y M K - Sinh năm: 1965 (Có mặt)

7. Bà H M R - Sinh năm: 1967 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh C trình bày:***

Ngày 24/10/2018, ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B đã ký Hợp đồng cho vay số LD1829200065 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh Đắk Lắk - Phòng Giao dịch N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền là 500.000.000đồng. Mục đích vay: Sản xuất nông nghiệp. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất cho vay: 11%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B đã ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0487/2016/TC/NTT ngày 20/10/2016 để thế chấp tài sản là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 850375 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B ngày 05/10/2015.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D541343 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Vũ Văn C ngày 20/5/2004.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 694344 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B ngày 03/02/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 25/10/2019. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông C, bà B trả nợ nhưng ông C, bà B vẫn không có thiện chí trong việc trả nợ.

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B phải trả số tiền 758.964.947đồng, trong đó nợ gốc 500.000.000đồng và tiền lãi 258,964.947đồng, tạm tính tính đến ngày 16/02/2022, tiếp tục tính lãi suất phát sinh từ ngày 17/02/2022 cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp ông C, bà B không trả được số nợ trên thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý bán phát mãi tài sản thế chấp mà ông C, bà B đã thế chấp để thu hồi nợ.

**\* *Quá trình tham gia tố tụng, ông Y M K, bà H M R trình bày:***

Từ năm 2017, vợ chồng ông bà có cho bà Nguyễn Thị B, địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, vay số tiền 90.000.000đồng. Bà B bảo cứ ở nhờ trên nhà và đất tại Buôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, thuộc thửa đất số 583, tờ bản đồ số 71, diện tích 150m<sup>2</sup>, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CA 850375, do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B.

Vợ chồng ông khi vào ở đã có đầy đủ nhà cửa, cây trồng trên đất, chúng tôi chỉ vào ở nhờ và không xây dựng gì thêm, không mua bán hay nhận sang nhượng lô đất trên từ bà B. Nay, ông bà được Tòa án thông báo cho biết về việc đang thụ lý vụ án Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S và ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B và yêu cầu xử lý tài sản là quyền sử dụng đất nói trên thì ý kiến của ông bà xin được tiếp tục ở nhờ trên diện tích nhà và đất nói trên cho đến khi tiến hành thủ tục thi hành án. Còn đối với việc bà B nợ tiền vợ chồng tôi, ông bà sẽ khởi kiện bằng một vụ án riêng để làm đơn yêu cầu thi hành án. Ông bà xác định không có yêu cầu độc lập trong hồ sơ vụ án.

Đối với bị đơn ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn Đ, anh Vũ Văn H1, anh Vũ Văn H2, anh Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị T, quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không đều không đến Tòa án làm việc nên không lấy lời khai được.

***Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:*** Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ, xác minh, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y M K, bà H M R đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn Đ, anh Vũ Văn H, anh Vũ Văn H, anh Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị T không chấp hành nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã vi phạm quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc 500.000.000đồng và tiền lãi 258.964.947đồng, lãi suất tạm tính đến hết ngày 16/02/2022, tiếp tục tính lãi suất phát sinh kể từ ngày 17/02/2022 cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp ông C, bà B không trả được số nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý bán phát mãi tài sản thế chấp mà ông C, bà B đã thế chấp

Quá trình tranh tụng tại phiên tòa, nguyên đơn đã xuất trình Bảng kê chi tiết vốn, lãi tính đến hết ngày 16/02/2022, giữ nguyên ý kiến yêu cầu. Do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên các bên không thống nhất được về các nội dung trong vụ án.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B có địa chỉ tại thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Về địa chỉ của ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B theo Hợp đồng tín dụng số LD1829200065 ngày 24/10/2018 do ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh Đắk Lắk Phòng Giao dịch N thì địa chỉ của ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B là tại thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Ông C, bà B hiện nay không có mặt tại địa phương, khi thay đổi địa chỉ thì cũng không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S biết, thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng, Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B theo đúng trình tự luật định. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B là đúng quy định pháp luật.

[2.2] Đối với bị đơn ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn Đ, anh Vũ Văn H1, anh Vũ Văn H2, anh Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị T, bà H M R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng họ đều vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hợp đồng tín dụng: Căn cứ theo Hợp đồng cho vay số LD1829200065 ngày 24/10/2018 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh Đắk Lắk Phòng Giao dịch N với ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B thì ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B có vay của Ngân hàng số tiền là 500.000.000đồng; mục đích vay: Sản xuất nông nghiệp. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất cho vay: 11%/năm; Lãi suất

quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Từ ngày 25/10/2019 thì ông C, bà B không thực hiện việc trả nợ theo Hợp đồng cho vay đã ký kết là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B phải trả số tiền 758.964.947 đồng, trong đó nợ gốc 500.000.000 đồng và nợ lãi 258.964.947 đồng, tiền lãi tạm tính đến hết ngày 16/02/2022, tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 17/02/2022 cho đến khi trả xong nợ, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3.2] Về việc xử lý tài sản bảo đảm: Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0487.2016/TC/NTT ngày 20/10/2016 thì ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B đã thế chấp các tài sản là:

- + Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 850375 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B ngày 05/10/2015.

- + Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D541343 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Vũ Văn C ngày 20/5/2004.

- + Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 694344 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B ngày 03/02/2016.

Do đó, đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu thi hành án bán phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông C, bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên là có căn cứ, cần chấp nhận.

Trường hợp ông C, bà B trả xong toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có nghĩa vụ phải trả lại cho ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B bản gốc của các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 850375 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B ngày 05/10/2015.

- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D541343 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Vũ Văn C ngày 20/5/2004.

- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 694344 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B ngày 03/02/2016.

[4] Đối với ông Y M K, bà H M R là người đã cho bà Nguyễn Thị B vay số tiền 90.000.000 đồng và hiện đang ở nhờ trên nhà và đất tại Buôn C, xã E, huyện C"gar, tỉnh Đắk Lắk, thuộc thửa đất số 583, tờ bản đồ số 71, diện tích 150m<sup>2</sup>, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CA 850375, do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh

Đắc Lắc cấp cho ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B. Ông Y M K, bà H M R chỉ là người ở nhờ trên đất, quá trình ở cũng không có đóng góp xây dựng thêm công trình gì thêm trên đất. Đối với khoản nợ của bà Nguyễn Thị B thì ông bà cũng xác định sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác và không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và được nhận lại tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ sau khi thu được từ bị đơn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 33; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Khoản 1 Điều 275, khoản 2 Điều 292, Điều 295, khoản 1 Điều 299, Điều 304, Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

- Buộc bị đơn ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B phải liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 758.964.947đồng, trong đó nợ gốc 500.000.000đồng và nợ lãi 258.964.947đồng, tiền lãi tạm tính đến hết ngày 16/02/2022.

Kể từ ngày 17/02/2022, ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh cho đến khi trả xong nợ gốc với mức lãi suất các bên thỏa thuận được tính theo quy định của Hợp đồng cho vay số LD1829200065 ngày 24/10/2018 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh Đắc Lắc Phòng Giao dịch N với ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B.

Trường hợp ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được quyền yêu cầu thi hành án bán phát mãi tài sản thế chấp là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 850375 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B ngày 05/10/2015.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D541343 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Vũ Văn C ngày 20/5/2004.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 694344 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B ngày 03/02/2016.

Trong trường hợp ông C, bà B trả xong toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S mà không cần phải xử lý tài sản bảo đảm thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có nghĩa vụ phải trả lại cho ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B bản gốc của các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 850375 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B ngày 05/10/2015.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D541343 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Vũ Văn C ngày 20/5/2004.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 694344 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B ngày 03/02/2016.

**2. Về án phí:** Ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B phải liên đới chịu 34.358.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:** Ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B phải liên đới chịu 2.500.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 2.500.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp sau khi thu được từ ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị B.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí và được nhận lại 13.968.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010080 ngày 19/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Việt Tuấn**